

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 13-4-2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;
- Ông Phan Ngọc Thạch.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Trọng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1985; HKTT: Tổ 1 A, ấp Q, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; hiện cư trú tại: Tổ 2, ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn T1, sinh năm 1979; HKTT: Tổ 9, ấp Q, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; hiện cư trú tại: Tổ 2, ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 11 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Thảo và anh Nguyễn Tấn T tự nguyện chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến năm 2020 do vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung. Tháng 7/2022 chị đã nộp đơn ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn để đoàn tụ vợ chồng. Tuy nhiên quá trình chung sống chị đã cố gắng hàn

gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không thể tiếp tục chung sống nên nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Tài.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung tên Nguyễn Đức N, sinh ngày 20/4/2015 và Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 25/7/2020. Nếu ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung, chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30 tháng 3 năm 2023, bị đơn anh Nguyễn Tấn T1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh T1 thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống theo anh không có mâu thuẫn, chỉ cãi nhau những chuyện nhỏ nhặt và anh không làm điều gì có lỗi với vợ. Gần đây anh và chị T không nói chuyện với nhau do không hợp, anh không đồng ý ly hôn do còn thương vợ.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung tên Nguyễn Đức N, sinh ngày 20/4/2015 và Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 25/7/2020. Nếu ly hôn anh tùy thuộc vào nguyện vọng của các con và quyết định của Tòa án. Nếu Tòa án giải quyết cho chị T nuôi con anh tự nguyện cấp dưỡng cho hai con mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T1 không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị Thu T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn; chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh Tài cấp dưỡng. Trường hợp anh T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chị cũng không đồng ý nhận cấp dưỡng do chị đủ khả năng nuôi hai con; chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Anh Nguyễn Tấn T1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Thu T.

+ Về nuôi con chung: Giao chị Huỳnh Thị Thu T nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Đức N, sinh ngày 20/4/2015 và Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 25/7/2020. Ghi nhận chị Huỳnh Thị Thu T không yêu cầu anh Nguyễn Tấn T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị Thu T và anh Nguyễn Tấn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Tấn T1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T1.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Chị Huỳnh Thị Thu T và anh Nguyễn Tấn T1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Thu T, thấy rằng: Quá trình chung sống từ năm 2020 chị T và anh T1 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và không còn hạnh phúc. Anh Nguyễn Tấn T1 thừa nhận thời gian gần đây anh và vợ ít nói chuyện cùng nhau. Xét thấy năm 2022 chị T đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn một lần, quá trình xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ tại địa phương thể hiện tại địa phương có dư luận xấu về anh T1. Bản thân anh T1 mong muốn được đoàn tụ vợ chồng nhưng anh không có biện pháp nào để hòa giải, hàn gắn tình cảm với vợ, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ nhưng anh không đến để làm việc. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Thu T đối với anh Nguyễn Tấn T1.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh T1 có hai con chung tên Nguyễn Đức N, sinh ngày 20/4/2015 và Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 25/7/2020. Cháu Nguyễn Đức N có nguyện vọng được sống cùng chị T; cháu Nguyễn Thảo N là con gái, chưa đủ 36 tháng tuổi nên xét thấy cần giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và quy định của pháp luật. Chị Huỳnh Thị Thu T không yêu cầu anh Nguyễn Tấn T1 cấp dưỡng nuôi con chung và không đồng ý nhận cấp dưỡng từ anh T1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị Thu T và anh Nguyễn Tấn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Thu T và anh Nguyễn Tấn T1.
2. Về nuôi con chung: Giao chị Huỳnh Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức N, sinh ngày 20/4/2015 và Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 25/7/2020. Ghi nhận chị Huỳnh Thị Thu T không yêu cầu anh Nguyễn Tấn T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Tấn T1 có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Thị Thu T và anh Nguyễn Tấn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007737 ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Thu T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Tấn T1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng Ktr-NV-THA, TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- UBND thị trấn Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Hồng Hà

